

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP MUỜNG GIỜN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP MUỜNG GIỜN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MUONG GION FORESTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MUONG GION FORESTRY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109305345

**3. Ngày thành lập:** 13/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, dãy M4, lô TT6 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm                                                       | 0119        |
| 2.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                    | 0121        |
| 3.  | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                          | 0122        |
| 4.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                             | 0128        |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                 | 0131        |
| 6.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                  | 0132        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                        | 0161        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                     | 0163        |
| 9.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                       | 0164        |
| 10. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                               | 0210(Chính) |
| 11. | Khai thác gỗ                                                                                                                        | 0220        |
| 12. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                       | 0231        |
| 13. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                        | 0232        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                        | 0240        |
| 15. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                      | 1610        |
| 16. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                   | 1621        |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                             | 1622        |
| 18. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                             | 1623        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                            | 1629        |
| 20. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                      | 1701        |
| 21. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                 | 1702        |
| 22. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                    | 1709        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến                       | 4663        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                | 4933        |
| 25. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                    | 8292        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                              | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRƯƠNG VĂN HÀ   | Số 14, tổ 4, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông         | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 001061014113                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Tổng số                   | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN LÀNH | Số nhà 7, ngõ 69, TT Bộ tư lệnh Công Binh, đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 024060000006                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   | Tổng số                   | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                   |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                 |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | BÙI TRUNG THÀNH | Lô TT6, Dãy M4, ô số 2 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 036064000032 |
|   |                 |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |              |
|   |                 |                                                                                                 |                           |        |             |        |              |
| 4 | NGUYỄN TIẾN AN  | Khu Mã Thượng A, Thị trấn Phong Châu, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 130109287    |
|   |                 |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                 | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |              |
|   |                 |                                                                                                 |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/10/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 024060000006

Ngày cấp: 08/01/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 7, ngõ 69, TT Bộ tư lệnh Công Binh, đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 7, ngõ 69, TT Bộ tư lệnh Công Binh, đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội